CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN SÔNG HẬU 1

Số: 1646/NMĐSH1-TCHC

V/v mời báo giá dịch vụ "Cung cấp dịch vụ đào tạo Vận hành nâng cao hiệu suất lò hơi-tua bin trong NMNĐ đốt than"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 22 tháng 7 năm 2025

Kính gửi: Quý Công ty

Chi nhánh Phát điện Dầu khí – Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Bên mời thầu) đang triển khai gói thầu "**Cung cấp dịch vụ đào tạo Vận hành nâng cao hiệu suất lò hơi-tua bin trong NMNĐ đốt than**".

Được biết Quý Công ty là đơn vị có năng lực kinh nghiệm trong lĩnh vực đào tạo này. Do đó, Bên mời thầu kính mời Quý Công ty tham gia chào giá cho gói thầu nêu trên với các nội dung yêu cầu như sau:

1. Nội dung yêu cầu: chi tiết như Yêu cầu báo giá *đính kèm*.

2. Thời điểm tiếp nhận Bản báo giá: trước 16h00 ngày 31/7/2025.

3. Phương thức gửi Bản báo giá: trực tiếp hoặc qua đường bưu điện theo địa chỉ dưới đây, đảm bảo thời gian giao nhận trước 16h00 ngày 31/7/2025.

Địa chỉ: Phòng Tổ chức Hành chính, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1

Ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ.

Đề nghị Quý Công ty xác nhận về việc nhận được Công văn và các đính kèm của Công văn này bằng cách gửi email đến địa chỉ phongnd@pvpgb.vn và hieumt@pvpgb.vn

Bên mời thầu rất mong nhận được sự hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Phó GĐ NM;
- Lưu VT, TCHC. (M.T.H)

TL. GIÁM ĐỐC CNPĐ DẦU KHÍ
GIÁM ĐỐC NMNĐ SÔNG HẬU 1

M.S.C.N: 0100881592-036 CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ - TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Anh Tuấn

MẪU SỐ 5

YÊU CẦU BÁO GIÁ CHÀO HÀNG CẠNH TRANH THEO QUY TRÌNH RÚT GỌN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 100/QĐ-CNPĐ ngày 20/01/2025 của Giám đốc Chi nhánh Phát điện Dầu khí)

Số hiệu gói thầu	**GT2025-153**
Tên gói thầu	**Cung cấp dịch vụ đào tạo Vận hành nâng cao hiệu suất lò hơi-tua bin trong NMNĐ đốt than**
Phát hành ngày	**.22.../7/2025**
Ban hành kèm theo Quyết định	**1693./QĐ-NMĐSH1**

(Nguồn vốn sử dụng cho gói thầu là nguồn vốn sản xuất kinh doanh và việc tổ chức lựa chọn nhà thầu gói thầu này được thực hiện theo Quy định mua sắm hàng hóa, dịch vụ của Chi nhánh Phát điện Dầu khí – Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được phê duyệt và ban hành kèm theo Quyết định số 900/QĐ-CNPĐ ngày 30/5/2024 và các quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có) của Giám đốc Chi nhánh Phát điện Dầu khí (viết tắt là QĐMS) và được đăng tải tại địa chỉ https://muasam.pvpgb.vn)

MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt

Chương I. Yêu cầu nộp Bản báo giá

Chương II. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương III. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương IV. Dự thảo hợp đồng

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

TBMT	Thông báo mời thầu
VND	đồng Việt Nam
QĐMS	Quy định mua sắm hàng hóa và dịch vụ của Chi nhánh Phát điện Dầu khí – Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được phê duyệt và ban hành tại Quyết định số 900/QĐ-CNPĐ ngày 30/05/2024 của Giám đốc Chi nhánh Phát điện Dầu khí và các quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có) và được đăng tải tại địa chỉ https://muasam.pvpgb.vn
PVN	Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam
YCBG	Yêu cầu báo giá
BBG	Bản báo giá

MÔ TẢ TÓM TẮT

Chương I. Yêu cầu nộp Bản báo giá

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị Bản báo giá. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh rút gọn, không qua mạng.

Chương II. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Bên mời thầu và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của Yêu cầu báo giá và Bản báo giá.

Chương III. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương này nêu các yêu cầu về kỹ thuật được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word/CAD do Bên mời thầu chuẩn bị và đính kèm lên trang web của Chi nhánh Phát điện Dầu khí.

Chương IV. Dự thảo hợp đồng

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.

Chương I. YÊU CẦU NỘP BẢN BÁO GIÁ

Mục 1. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

1. Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Đối với nhà thầu trong nước: có đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đối với nhà thầu nước ngoài: có đăng ký, hoạt động theo pháp luật nước ngoài;

b) Hạch toán tài chính độc lập, trừ các trường hợp là đơn vị trực thuộc PVN hoặc công ty con của PVN hoặc doanh nghiệp thành viên của PVN hoặc công ty con của doanh nghiệp cấp II theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

c) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;

d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của Giám đốc Chi nhánh, Hội đồng thành viên/Tổng giám đốc PVN.

đ) Có tên trong danh sách ngắn (đối với trường hợp đã lựa chọn được danh sách ngắn).

2. Nhà thầu là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Có Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;

b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm d khoản 1 trên.

3. Nhà thầu là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật mà cá nhân đó là công dân;

b) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp trong trường hợp pháp luật có quy định;

c) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

Nhà thầu có tư cách hợp lệ theo quy định tại các khoản 1, 2 3 Mục 1 CDNT được tham dự thầu với tư cách độc lập hoặc liên danh.

Mục 2. Đơn dự thầu, giá dự thầu và biểu giá

1. Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc theo yêu cầu của Yêu cầu báo giá vào các Mẫu trong Chương II.

Trường hợp giá theo hạng mục mà nhà thầu ghi là "0" thì được coi là nhà thầu

đã phân bổ giá của hạng mục này vào các hạng mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá với giá đã chào.[1]

2. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu (chưa tính giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Bản báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giá trị giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu.

Mục 3. Thành phần Bản báo giá

Bản báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn dự thầu;

2. Biểu dự thầu theo Mẫu trong Chương II (tùy theo loại gói thầu);

3. Đề xuất kỹ thuật căn cứ quy định tại Chương III.

Mục 4. Thời hạn có hiệu lực Bản báo giá

BBG có hiệu lực không ngắn hơn 90 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của BBG, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của BBG. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của BBG thì BBG của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn BBG không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của BBG. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên trên trang web của Chi nhánh Phát điện Dầu khí.

Mục 5. Quy cách Bản báo giá và chữ ký trong Bản báo giá

5.1 Nhà thầu phải chuẩn bị Báo giá bao gồm: 1 bản gốc Báo giá theo quy định tại Mục 3 và 02 bản chụp Báo giá. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ "BẢN GỐC BÁO GIÁ", "BẢN CHỤP BÁO GIÁ".

5.2 Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì Báo giá của nhà thầu bị loại.

5.3 Bản gốc của Báo giá phải được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai,

[1] Chỉ áp dụng đối với gói thầu xây lắp.

đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT, Bảng giá và các biểu mẫu khác tại **Chương II** phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc người được ủy quyền hợp pháp ký tên và đóng dấu (nếu có), trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh được chứng thực hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền và được nộp cùng với HSDT.

5.4. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.

Mục 7. Niêm phong và ghi bên ngoài Bản báo giá

7.1. Túi đựng Báo giá bao gồm bản gốc và các bản chụp Báo giá, bên ngoài phải ghi rõ "BÁO GIÁ".

Các túi đựng Báo giá phải được niêm phong. Cách niêm phong theo quy định riêng của nhà thầu.

7.2. Trên các túi đựng hồ sơ phải:

a) Ghi tên và địa chỉ của nhà thầu;

b) Ghi tên người nhận là tên Bên mời thầu theo địa chỉ quy định tại **Mục 8**;

c) Ghi tên gói thầu: **Cung cấp dịch vụ đào tạo Vận hành nâng cao hiệu suất lò hơi-tua bin trong NMNĐ đốt than;**

d) Ghi dòng chữ cảnh báo "không được mở trước thời điểm mở thầu".

7.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định của YCBG này như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong Báo giá trong quá trình chuyển đến Bên mời thầu, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng Báo giá theo hướng dẫn quy định tại Mục 5. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của Báo giá nếu nhà thầu không thực hiện đúng quy định nêu trên.

Mục 8. Thời điểm đóng thầu

Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi Báo giá đến địa chỉ của Bên mời thầu nhưng phải bảo đảm Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu theo quy định như sau:

Địa chỉ của Bên mời thầu:

Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1

Địa chỉ: Ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ.

Thời điểm đóng thầu là: 16 giờ 00 phút, ngày 31 tháng 07 năm 2025.

Bên mời thầu tiếp nhận Báo giá của tất cả các nhà thầu nộp Báo giá trước thời

điểm đóng thầu.

Mục 9. Báo giá nộp muộn

Bên mời thầu sẽ không xem xét bất kỳ Báo giá nào được nộp sau thời điểm đóng thầu. Bất kỳ Báo giá nào mà Bên mời thầu nhận được sau thời điểm đóng thầu sẽ bị tuyên bố là Báo giá nộp muộn, bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.

Mục 10. Mở thầu

10.1. Ngoại trừ các trường hợp quy định tại Mục 9, Bên mời thầu phải mở công khai và đọc to, rõ các thông tin như quy định tại 10.2 Mục này của tất cả HSDT đã nhận được trước thời điểm đóng thầu. Việc mở thầu phải được tiến hành công khai theo thời gian và địa điểm như dưới đây trước sự chứng kiến của đại diện của các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự thầu.

Việc mở thầu sẽ được tiến hành công khai vào lúc: 16 giờ 30 phút, ngày 31 tháng 07 năm 2025, tại địa điểm mở thầu theo địa chỉ như sau:

Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1

Ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ.

10.2. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng Báo giá theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản gốc Báo giá và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên nhà thầu, số lượng bản gốc, bản chụp, giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu, giá dự thầu ghi trong bảng chào giá hàng hóa, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của Báo giá, thời gian thực hiện gói thầu và các thông tin khác mà Bên mời thầu thấy cần thiết. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;

c) Đại diện của Bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, bảng chào giá hàng hóa, giấy uỷ quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có), thư giảm giá (nếu có). Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ Báo giá nào khi mở thầu, trừ các Báo giá nộp muộn theo quy định tại Mục 9.

10.3. Bên mời thầu phải lập biên bản mở thầu trong đó bao gồm các thông tin quy định tại Mục 10.2. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của Bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc thiếu chữ ký của nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi cho tất cả các nhà thầu tham dự thầu.

Mục 11. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Đáp ứng yêu cầu về tư cách hợp lệ;

2. Có đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Chương III;

3. Có giá trị sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu;

4. Có giá dự thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất. Việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 38 của QĐMS.

5. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt.

Mục 12. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

Bên mời thầu gửi thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu đến các Nhà thầu tham gia nộp BBG kèm theo báo cáo đánh giá các báo giá trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

Mục 13. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Trước khi ký kết hợp đồng hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Chương IV.

Mục 14. Hành vi bị cấm

1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.

2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động lựa chọn nhà thầu dưới mọi hình thức.

3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:

a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị BBG hoặc rút BBG để một bên trúng thầu;

b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;

c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của YCBG nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được bên mời thầu yêu cầu làm rõ BBG hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.

4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:

a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong lựa chọn nhà thầu;

b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong BBG nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.

5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:

a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa,

nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;

b) Cản trở người có thẩm quyền, bên mời thầu, tổ chuyên gia, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu;

c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động lựa chọn nhà thầu;

d) Cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động lựa chọn nhà thầu;

đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng

6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm bên mời thầu, tổ chuyên gia hoặc thực hiện nhiệm vụ của bên mời thầu, tổ chuyên gia không đúng quy định của QĐMS;

b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định YCBG đối với cùng một gói thầu;

c) Tham gia đánh giá BBG đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu;

d) Cá nhân thuộc bên mời thầu, tổ chuyên gia trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình (có cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ hoặc cha mẹ chồng, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh chị em ruột của mình, của vợ/chồng mình) đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu;

đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu mua sắm hàng hóa, phi tư vấn do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế kỹ thuật tổng thể (thiết kế FEED); lập, thẩm định YCBG; đánh giá BBG; kiểm định hàng hóa; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện hợp đồng;

e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu do Chi nhánh tổ chức lựa chọn nhà thầu là nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại Chi nhánh;

g) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát;

h) Áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu không phải là hình thức đấu thầu rộng rãi khi không đủ điều kiện theo quy định của QĐMS;

i) Chia nhỏ dự toán mua sắm thành các gói thầu nhằm mục đích chỉ định thầu; chia dự toán mua sắm nhằm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu.

7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 6, điểm c khoản 8 Điều 87,

khoản 10 Điều 88, khoản 4 Điều 89, khoản 2 Điều 90 của QĐMS và điểm b khoản 4 Điều 93 của Luật Đấu thầu 2023, bao gồm:

a) Nội dung YCBG trước thời điểm phát hành theo quy định;

b) Nội dung BBG; nội dung yêu cầu làm rõ BBG của bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá BBG; báo cáo của TCG, báo cáo thẩm định; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng BBG trước khi được công khai theo quy định;

c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;

d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:

a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đã nêu trong hợp đồng;

b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong BBG mà không được người có thẩm quyền chấp thuận;

c) Người có thẩm quyền chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;

d) Người có thẩm quyền chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.

Mục 15. Hủy thầu

1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:

a) Tất cả BBG không đáp ứng được các yêu cầu của YCBG;

b) Khi không còn nhu cầu sử dụng dịch vụ hoặc khi thay đổi tính chất, phạm vi sử dụng đối với gói thầu dịch vụ; hoặc khi thay đổi đặc tính/thông số kỹ thuật của hàng hóa do đặc tính/thông số kỹ thuật trong YCBG không đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật;

c) Nội dung YCBG không tuân thủ quy định của QĐMS dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;

d) Tất cả các nhà thầu tham dự thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 107 của QĐMS;

đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 107 của QĐMS dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu;

e) Hủy thầu theo quy định tại khoản 5 Điều 33a của QĐMS.

2. Tổ chức, cá nhân vi phạm QĐMS dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d và đ khoản 1 Mục 8 CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và

bị xử lý theo quy định của QĐMS.

3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục này, trong thời hạn 05 ngày làm việc Chủ đầu tư, Bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Mục 8 CDNT.

Mục 16. Giải quyết kiến nghị

Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị Người có thẩm quyền, Chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại các Điều 89, 90 và 91 của Luật Đấu thầu 2023.

Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư hoặc kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị bằng văn bản theo địa chỉ: Tòa nhà Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, số 18 phố Láng Hạ, phường Giảng Võ, TP. Hà Nội, Điện thoại: 024.38252526.

Chương II. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

Stt	Biểu mẫu	Cách thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Bên mời thầu	Nhà thầu
1	Mẫu số 01. Phạm vi cung cấp và yêu cầu tiến độ thực hiện dịch vụ phi tư vấn	Đính kèm Bản báo giá	X	
2	Mẫu số 02. Bảng tiến độ thực hiện			X
3	Mẫu số 03. Bảng chào giá dịch vụ phi tư vấn			X
4	Đơn dự thầu			X

Mẫu số 01

PHẠM VI CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN

Bên mời thầu liệt kê chi tiết danh mục các dịch vụ yêu cầu, mô tả ngắn gọn dịch vụ theo Bảng sau:

STT	Danh mục dịch vụ[(1)]	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Thời gian hoàn thành dịch vụ
1	Đào tạo Vận hành nâng cao hiệu suất lò hơi - tuabin trong NMNĐ đốt than cho Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1	01	Gói	Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1	15 ngày

Ghi chú: [(1)] Bên mời thầu ghi các nội dung công việc để nhà thầu làm cơ sở chào giá dự thầu.

Mẫu số 02

BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

STT	Danh mục dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Thời gian hoàn thành dịch vụ	Thời gian thành dịch vụ do nhà thầu đề xuất
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
1	Đào tạo Vận hành nâng cao hiệu suất lò hơi - tuabin trong NMNĐ đốt than cho Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1	01	Gói	Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1	15 ngày	

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (6): Bên mời thầu điền

- Cột (7): Nhà thầu điền

Mẫu số 3

BẢNG CHÀO GIÁ DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN

STT	Danh mục dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
1	Đào tạo Vận hành nâng cao hiệu suất lò hơi - tuabin trong NMNĐ đốt than cho Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1	01	Gói		
Tổng cộng:					

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (4): Bên mời thầu điền.

- Cột (5): Nhà thầu điền đơn giá cho tất cả các danh mục dịch vụ. Đơn giá nhà thầu chào bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí, chi phí dự phòng (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

- Cột (6): Nhà thầu tự tính.

ĐƠN DỰ THẦU [1]

Ngày:___*[Nhà thầu tự điền]*

Tên gói thầu:___*[Nhà thầu tự điền]*

Kính gửi:___*[Nhà thầu tự điền]*

Sau khi nghiên cứu Yêu cầu báo giá, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ___ *[Nhà thầu tự điền]* cam kết thực hiện gói thầu ____ *[Nhà thầu tự điền]* theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá với giá dự thầu (tổng số tiền) là ____ *[Nhà thầu tự điền]*[2] cùng với bảng chào giá kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là____ *[Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có].*

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: _____ (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Thời gian thực hiện hợp đồng là: _____ *[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu]*[3]

Hiệu lực của Bản báo giá: 90 ngày. [4]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản.

2. Đã thực hiện nghĩa vụ thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.

3. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của Giám đốc Chi nhánh, Hội đồng thành viên/Tổng giám đốc PVN.

4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của QĐMS khi tham dự gói thầu này.

5. Những thông tin kê khai trong Bản báo giá là trung thực.

6. Trường hợp trúng thầu, Bản báo giá tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

7. Nếu Bản báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Dự thảo hợp đồng.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

(ký tên và đóng dấu (nếu có)) [5]

Ghi chú:

(1) *Nhà thầu lưu ý, đơn dự thầu phải được ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của Bản báo giá, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.*

(2) *Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong Bảng chào giá hàng hóa và Bảng chào giá các dịch vụ liên quan, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu.*

(3) *Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất kỹ thuật nêu trong Bản báo giá*

(4) *Thời gian có hiệu lực của Bản báo giá được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến hết ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong Yêu cầu báo giá. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày đóng thầu được tính là 01 ngày.* ***Thời gian có hiệu lực của báo giá không ngắn hơn 90 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.***

Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của BBG, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của BBG. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của BBG thì BBG của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn BBG không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của BBG. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên trên trang web của Chi nhánh Phát điện Dầu khí..

(5) *Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền và đóng dấu (nếu có) của nhà thầu khi nhà thầu nộp Bản báo giá.*

Chương III. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục A. Tiêu chuẩn đánh giá Bản báo giá

1. Đánh giá tính hợp lệ của báo giá

Báo giá của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung theo quy định tại Mục 1 Chương I.

- Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của Nhà thầu ký tên, đóng dấu theo mẫu của YCBG và thời hạn hiệu lực của YCBG phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Ghi chú số (4) của Đơn dự thầu.

Nhà thầu có báo giá hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

2. Đánh giá về kỹ thuật

Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

Báo giá được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí đều được đánh giá là đạt.

Stt	Tiêu chí chi tiết	Nội dung đánh giá	Đánh giá	
			Đạt	**Không đạt**
1	Đăng ký kinh doanh	Đáp ứng yêu cầu tại Mục 1 Phần III Mục B Chương III của YCBG	Đạt	
		Không đáp ứng yêu cầu tại Mục 1 Phần III Mục B Chương III của YCBG		Không đạt
2	Phạm vi cung cấp dịch vụ	Đúng, đủ số lượng, nội dung dịch vụ đáp ứng yêu cầu tại Phần II Mục B Chương III của YCBG.	Đạt	
		Không đúng, đủ số lượng, nội dung dịch vụ đáp ứng yêu cầu tại Phần II Mục B Chương III của YCBG.		Không đạt
3	Yêu cầu về giảng viên	Đáp ứng yêu cầu tại Mục 2 Phần III Mục B Chương III của YCBG.	Đạt	
		Không đáp ứng yêu cầu tại Mục 2 Phần III Mục B Chương III của YCBG.		Không đạt
4	Tiến độ cung cấp dịch vụ	- Nhà thầu phải chào thời gian cung cấp dịch vụ đáp ứng theo đúng nội dung được quy định tại Chương III của YCBG - Nhà thầu cam kết đáp ứng tiến độ, thời gian theo yêu cầu của chủ đầu tư.	Đạt	
		Không đáp ứng các yêu cầu nêu trên		Không đạt
	Kết luận	**Đạt tất cả các nội dung nêu trên**	**Đạt**	
		Không đạt bất kỳ nội dung nào nêu trên		**Không đạt**

Nhà thầu đáp ứng về yêu cầu kỹ thuật được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

3. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có), sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch (nếu có);

Bước 2. Xếp hạng nhà thầu: Giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất.

Mục B. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu

I. Giới thiệu về gói thầu

- Tên gói thầu: Cung cấp dịch vụ đào tạo Vận hành nâng cao hiệu suất lò hơi - tuabin trong NMNĐ đốt than.

- Nguồn vốn: Sản xuất kinh doanh năm 2025 của NMNĐ Sông Hậu 1.

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Tháng 07/2025.

- Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 15 ngày.

II. Phạm vi công việc

1. Số lượng học viên: 15 - 20 người.

2. Thời lượng đào tạo: 15 ngày.

3. Thời gian đào tạo: trong Quý III/2025.

4. Hình thức đào tạo: Trực tiếp, tập trung tại NMNĐ Sông Hậu 1.

5. Nội dung đào tạo chính

5.1. Về mục tiêu đào tạo cho học viên

a. Kiến thức

- Có nhận thức về mối tương quan hiệu suất các hệ thống phụ trợ ảnh hưởng đến hiệu suất Lò hơi – Tuabin.

- Có kiến thức chuyên sâu về vận hành hệ thống Lò hơi – Tuabin.

- Nâng cao trách nhiệm cá nhân trong công tác vận hành hệ thống Lò hơi – Tuabin.

b. Kỹ năng

- Sau khi hoàn thành khóa đào tạo, học viên nắm vững kiến thức vận hành tối ưu hiệu suất hệ thống của Lò hơi, Tuabin.

- Từ đó thực hiện các giải pháp, hiệu chỉnh các thiết bị hệ thống để tối ưu hiệu quả, tối ưu hiệu suất hệ thống, tối ưu hiệu suất lò hơi.

5.2. Phạm vi công việc đào tạo

Stt	Phạm vi công việc
1	**Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng than**
1.1	Cách kiểm soát chất lượng than, phương pháp tối ưu cho quản lý, vận chuyển, lưu kho đối với than đang sử dụng NMĐ Sông Hậu 1.
1.2	Phân tích các ảnh hưởng thành phần than đến hiệu suất Tổ máy.
2	**Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu suất lò hơi NMĐ Sông Hậu 1**
2.1	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu suất lò hơi, hướng dẫn vận hành hiệu chỉnh lò hơi và các hệ thống phụ trợ lò hơi bao gồm nhưng không giới hạn các hệ thống sau (hệ thống Khói Gió, tối ưu Oxy thừa, hệ thống nghiền than, chỉnh tối ưu hóa áp suất, nhiệt độ Main steam, hệ thống thổi bụi lò hơi, áp suất âm buồng đốt, tỉ lệ Coal/Air, GAH…).
2.2	Hướng dẫn phương pháp và thực hiện tính toán hiệu suất các thiết bị phụ trợ lò hơi (GAH, quạt khói, quạt gió…).
3	**Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu suất Tuabin NMĐ Sông Hậu 1**
3.1	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu suất tuabin, hướng dẫn vận hành hiệu chỉnh tuabin và các hệ thống phụ trợ tuabin bao gồm nhưng không giới hạn các hệ thống sau (hệ thống làm mát bình ngưng, hệ thống chân không bình ngưng, bộ gia nhiệt hạ áp/cao áp, hệ thống chèn Tuabin…).
3.2	Hướng dẫn phương pháp và thực hiện tính toán hiệu suất các thiết bị phụ trợ tuabin (bơm nước ngưng, bơm nước cấp, bình ngưng, bộ gia nhiệt…).
4	**Đánh giá tiềm năng có thể áp dụng nâng cao hiệu suất lò hơi, tuabin NMĐ Sông Hậu 1**
4.1	Khảo sát tư vấn lắp đặt thiết bị, cải tiến công tác vận hành để phục vụ tính toán, nâng cao hiệu suất lò hơi, tuabin NMĐ Sông Hậu 1

III. Yêu cầu Kỹ thuật của gói thầu

1. Đăng ký kinh doanh

- Nhà thầu cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép kinh doanh được cấp theo quy định của pháp luật hoặc Quyết định thành lập đối với tổ chức không có đăng ký kinh doanh (đối với nhà thầu là tổ chức) trong đó có hoạt động kinh doanh dịch vụ đào tạo.

2. Yêu cầu về giảng viên

- Giảng viên có trình độ Đại học trở lên, chuyên ngành kỹ thuật (nhiệt điện, cơ nhiệt...).

- Giảng viên giàu kinh nghiệm về nội dung giảng dạy, đã từng tham gia tư vấn, giảng dạy, hiệu chỉnh lò hơi kiểu lò Siêu tới hạn, ngọn lửa chữ "L" (kiểu lò NMNĐ Sông Hậu 1).

C. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm

Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ khi kết thúc khóa đào tạo và kiểm tra, Nhà thầu cấp Giấy chứng nhận (bản gốc) cho các học viên đạt yêu cầu.

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Số: /2025/HĐ/NMĐSH1-...

Cung cấp dịch vụ đào tạo Vận hành nâng cao hiệu suất lò hơi - tua bin trong NMNĐ đốt than cho Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1

Giữa

CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ – TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM

Và

...

Cần Thơ, tháng .../2025

PHẦN I – CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Căn cứ Luật dân sự số …..

- Căn cứ Luật thương mại số ……

- Căn cứ Quyết định số 2647/QĐ-DKVN ngày 21/4/2023 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc thành lập Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

- Căn cứ Quyết định số 3403/QĐ-DKVN ngày 23/5/2023 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt và ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

……

- Căn cứ biên bản thương thảo hợp đồng số ...../…….

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____năm ____ của ____ về việc phê duyệt lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ *[Ghi tên gói thầu]* và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

PHẦN II – CÁC ĐIỀU KHOẢN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày ___ tháng năm 2025 tại Văn phòng Nhà máy điện Sông Hậu 1, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ___ngày ___tháng ___năm ___*(trường hợp được ủy quyền)*.

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên Nhà thầu:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ *(trường hợp được ủy quyền)*.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp dịch vụ phi tư vấn theo danh mục được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);

2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);

3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

4. Bản báo giá của Nhà thầu;

5. Yêu cầu báo giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ (nếu có);

6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

- Cung cấp danh sách học viên và các thông tin cần thiết cho Bên B trước thời điểm diễn ra khóa học.

- Tổ chức, bố trí phòng học, máy chiếu, thiết bị (nếu có), ... và tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên và cán bộ thực hiện công tác của Bên B làm tròn nhiệm vụ được giao.

- Phối hợp chặt chẽ với Bên B trong quá trình thực hiện Hợp đồng hướng tới mục tiêu thành công chung cho chương trình.

- Trong trường hợp bất khả kháng, Bên A phải thông báo kịp thời cho Bên B dưới mọi hình thức nhằm không làm gián đoạn, tổn thất và ảnh hưởng đến uy tín của Bên B.

- Thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

- Tổ chức khoá học, cung cấp tài liệu học tập cho học viên của Bên A theo đúng nội dung chương trình đào tạo đã thống nhất.

- Thông báo cho Bên A biết trước ít nhất 03 ngày khi có bất kỳ sự thay đổi về thời khóa biểu, lịch dạy.

- Xuất hóa đơn tài chính thu phí dịch vụ.

- Cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các dịch vụ phi tư vấn như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng

- Giá trị Hợp đồng (đã bao gồm các loại thuế phí, lệ phí (nếu có)):____*[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ bằng đồng Việt Nam. Giá hợp đồng là cố định. Trường hợp tăng hoặc giảm phạm vi công việc của Hợp đồng, hai bên sẽ ký phụ*

lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng, giá hợp đồng được thay đổi trên cơ sở khối lượng công việc tăng hoặc giảm].

- Giá trị Hợp đồng đã bao gồm chi phí soạn thảo tài liệu, giảng dạy lý thuyết, chứng nhận hoàn thành khóa học cho học viên và các chi phí khác liên quan đến chương trình để Bên B thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng.

2. Phương thức thanh toán

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 100% giá trị của Hợp đồng trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ khi bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán.

b) Đồng tiền và hình thức thanh toán.

- Đồng tiền thanh toán: đồng Việt Nam.

- Hình thức thanh toán: chuyển khoản.

c) Hồ sơ thanh toán:

- Công văn đề nghị thanh toán (02 bản gốc);

- Hóa đơn GTGT theo quy định của Bộ Tài chính;

- Biên bản bàn giao chứng nhận (cho học viên đạt yêu cầu);

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc;

- Biên bản quyết toán Hợp đồng, kèm theo Bảng tính giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo Hợp đồng.

Trong trường hợp Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (thanh tra, kiểm toán, kiểm tra …) kiểm tra và có ý kiến về giá trị thanh toán/quyết toán thì Hai Bên thống nhất sẽ thực hiện theo kết luận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

Điều 6. Loại hợp đồng: Trọn gói

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: 15 ngày, sau khi hai Bên thống nhất thời gian thực hiện cụ thể bằng văn bản/email.

Điều 8. Điều chỉnh hợp đồng

1 Việc điều chỉnh hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Bổ sung hạng mục công việc cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng;

b) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng.

2. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp điều chỉnh hợp đồng.

Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư không muộn hơn ngày 07 ngày làm việc kể từ ngày ký Hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện bằng cách nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam và là bảo đảm không có điều

kiện (trả tiền khi có yêu cầu), theo Mẫu quy định tại Yêu cầu báo giá.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị và hiệu lực như sau:

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng.

- Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành bảo lãnh cho đến khi Bên B hoàn thành cung cấp toàn bộ dịch vụ của Hợp đồng. Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 05 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị nêu trên và có hiệu lực phù hợp, nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 03 ngày. Trước 03 ngày lịch đến ngày hết hạn Bảo đảm thực hiện hợp đồng mà Bên A không nhận được văn bản gia hạn thì Bên A có quyền tịch thu 100% số tiền Bảo đảm thực hiện hợp đồng nói trên của Bên B.

3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Chủ đầu tư để bồi thường cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh do Nhà thầu không hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng.

4. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10 ngày sau khi hai bên ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc.

Điều 10. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm

a) Chủ đầu tư có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm hợp đồng khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về sai phạm trong hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Chủ đầu tư gia hạn;

- Nhà thầu không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo hợp đồng;

- Nhà thầu bị mất khả năng thanh toán hoặc phá sản;

- Có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 89 Luật Đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng;

-Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục này, Chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt và chịu trách nhiệm đối với phần hợp đồng do mình thực hiện.

b) Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng bằng cách gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng ba mươi (30) ngày trong các trường hợp sau đây:

- Nếu Chủ đầu tư không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào phải trả cho Nhà thầu theo Hợp đồng và không có tranh chấp theo hợp đồng về việc này trong vòng

sáu mươi (60) ngày sau khi nhận được thông báo bằng văn bản của Nhà thầu về việc quá hạn thanh toán.

- Nếu vì lý do bất khả kháng, trong thời gian không dưới sáu mươi (60) ngày, Nhà thầu không thể thực hiện được hợp đồng.

2. Chấm dứt hợp đồng do mất khả năng thanh toán

Trường hợp Nhà thầu phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Nhà thầu. Trong trường hợp đó, hợp đồng sẽ chấm dứt và Nhà thầu không được bồi thường với điều kiện là việc chấm dứt hợp đồng không gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền khởi kiện hoặc biện pháp khắc phục của Chủ đầu tư trước đó hoặc sau đó.

Điều 11. Bất khả kháng

1. Nhà thầu không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.

2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.

3. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.

4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.

5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.

Điều 12. Cung cấp, tiến độ thực hiện, yêu cầu đầu ra

1. Bên B phải cung cấp dịch vụ và giao các tài liệu, chứng từ (kèm theo) theo tiến độ nêu trong Yêu cầu báo giá, cụ thể là: tài liệu giảng dạy trước khi triển khai đào tạo.

2. Yêu cầu về tiến độ thực hiện dịch vụ: theo tiến độ được nêu trong phần Phạm vi công việc. Chủ đầu tư sẽ có thông báo chính thức cho Nhà thầu bằng văn bản/email về thời gian cụ thể thực hiện các dịch vụ hoặc trong trường hợp thay đổi thời gian thực hiện dịch vụ. Nhà thầu xác nhận thời gian thực hiện dịch vụ bằng văn bản/email trả lời.

3. Yêu cầu về đầu ra của dịch vụ phi tư vấn: Quyết định công nhận kết quả, sổ theo dõi và chứng nhận hoàn thành khóa học.

Điều 13. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng

1. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho Nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do Chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.

2. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.

3. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư và Nhà thầu quy định tại Mục 1 và Mục 2 không áp dụng đối với các thông tin sau đây:

a) Thông tin mà Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền;

b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu;

c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp;

d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin.

4. Các quy định tại Điều này này không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ.

5. Các quy định tại Điều này tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.

Điều 14. Phạt và bồi thường thiệt hại

1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng.

Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của hợp đồng, nếu Nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với 1%/ngày giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm. Tổng mức phạt đối với các vi phạm không vượt quá 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại Điều 10.

2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.

Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.

Điều 15. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian:

- Thời gian để tiến hành hòa giải: 15 ngày.

- Giải quyết tranh chấp: Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng hoà giải trong vòng 15 ngày kể từ khi phát sinh tranh chấp, tranh chấp sẽ được giải quyết thông qua Toà án thành phố Cần Thơ, phán quyết của Toà án là cơ sở bắt buộc hai Bên thực hiện.

Điều 16. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 06 bộ, Chủ đầu tư giữ 04 bộ, Nhà thầu giữ 02 bộ, các bộ Hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]	*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày____tháng_____năm_____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở Yêu cầu báo giá, Bản báo giá và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Bảng giá tổng hợp]

MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG[1]

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____*[Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu]*

(sau đây gọi là chủ đầu tư/bên mời thầu)

Theo đề nghị của ____*[Ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____*[Ghi tên gói thầu]* và cam kết sẽ ký kết hợp đồng thực hiện *[dịch vụ phi tư vấn]* cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);[2]

Theo quy định trong Yêu cầu báo giá *(hoặc hợp đồng)*, nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư/bên mời thầu bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____*[Ghi tên của ngân hàng]* có trụ sở đăng ký tại ____*[Ghi địa chỉ của ngân hàng[3]]* (sau đây gọi là "Ngân hàng"), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____*[Ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng]*. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho chủ đầu tư/bên mời thầu bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____*[Ghi số tiền bảo lãnh]* như đã nêu trên, khi có văn bản của chủ đầu tư/bên mời thầu thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày___tháng___năm ____[4].

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì bên mời thầu sẽ báo cáo chủ đầu tư/bên mời thầu xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

"Theo đề nghị của ____[Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu ____[Ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số__[Ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng)."

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.